

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
ĐIỆN BIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Điều hành	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trực tiếp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên theo Quyết định số 341/QĐ - UBND ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600100728, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2009, đăng ký lần thứ 02 ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần và đăng kí thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam
- Điện thoại : 0215 3810198
- Fax : 0215 3812333

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng kí là:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35kv;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Lê Quế	Chủ tịch	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Quang Tuấn	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Đinh Quốc Lộc	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Trọng Nguyễn	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Bà Hoàng Cúc Phương	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Lê Đình Nghĩa	Trưởng ban	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành Viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Kim Mến	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Phạm Quang Tuấn	Giám đốc điều hành	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Đinh Quốc Lộc	Phó Giám đốc	Ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Trọng Nguyễn	Phó Giám đốc	Ngày 20 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Lệ Quế - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lệ Quế

Ngày 26 tháng 7 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0448/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 7 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục tăng vốn theo quy định của Luật Chứng khoán, chưa nhận được thông báo chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với phần vốn điều lệ tăng trong năm 2020 là 6.402.784.000 VND, tăng từ nguồn tài sản nhận bàn giao từ Nhà nước. Số vốn tăng này đã được thông qua tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 số 283/NQ – ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số số V.7 và V.15a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, về việc trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty đã ghi nhận tăng “Tài sản cố định hữu hình” và tăng “Vốn khác của chủ sở hữu”, số tiền 31.500.000.000 VND do nhận bàn giao hạng mục công trình hệ thống cấp nước trung tâm huyện Nậm Pồ theo Văn bản số 918/UBND-TH của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 02/4/2021 và Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng ngày 08 tháng 4 năm 2021 đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý các công trình dân dụng và Công trình tỉnh Điện Biên. Giá trị ghi nhận được xác định theo giá trị đề nghị quyết toán ghi trong Biên bản xác định giá tiêu thụ nước sạch tạm thời huyện Nậm Pồ của Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên thống nhất với Sở Tài chính và Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Công ty chưa xác định được giá trị chính thức, cũng như danh mục chi tiết của hệ thống tài sản được bàn giao.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ với kết luận ngoại trừ về Báo cáo tài chính giữa niên độ đó tại ngày 12 tháng 8 năm 2020 liên quan đến việc không đánh giá được tính hiện hữu của tiền mặt tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2020 do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày này và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 10 tháng 3 năm 2021 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty tăng vốn điều lệ số tiền 6.402.784.000 VND và tăng vốn khác chủ sở hữu số tiền 38.899.226.126 VND chưa phù hợp với quy định Luật chứng khoán.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.513.942.578	33.108.427.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.467.343.797	9.300.362.176
1. Tiền	111		11.467.343.797	9.300.362.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.189.666.840	17.800.462.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.251.952.390	6.860.350.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.934.211.300	10.792.411.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	70.109.150	147.701.040
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(66.606.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.866.299.476	5.199.476.890
1. Hàng tồn kho	141	V.5	4.866.299.476	5.199.476.890
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		990.632.465	808.125.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		990.632.465	808.125.712
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		456.258.367.083	420.857.867.272
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		434.320.960.335	404.058.009.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	434.320.960.335	404.058.009.580
<i>Nguyên giá</i>	222		615.127.210.474	573.901.378.536
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(180.806.250.139)	(169.843.368.956)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.621.573.634	13.718.020.543
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	19.621.573.634	13.718.020.543
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.315.833.114	3.081.837.149
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	2.315.833.114	3.081.837.149
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484.772.309.661	453.966.294.549

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17.006.903.288	18.222.530.389
I. Nợ ngắn hạn	310		6.017.245.548	5.770.411.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.464.829.800	209.420.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	18.096.045	19.300.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	563.367.058	470.219.800
4. Phải trả người lao động	314		243.092.354	477.683.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	327.386.322	639.697.240
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	2.849.910.000	2.858.520.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	550.563.969	1.095.570.035
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.989.657.740	12.452.119.123
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	10.989.657.740	12.452.119.123
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		467.765.406.373	435.743.764.160
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	467.765.406.373	435.743.764.160
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		396.844.530.000	396.844.538.034
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		396.844.530.000	396.844.538.034
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		70.399.230.000	38.899.226.126
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		521.646.373	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		521.646.373	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484.772.309.661	453.966.294.549

Người lập biểu

Lê Như Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hùng

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lệ Quế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	29.514.571.882	27.370.069.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.514.571.882	27.370.069.756
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.941.507.733	22.416.872.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.573.064.149	4.953.197.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	43.408.430	423.072.912
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.153.319	404.301.582
Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.153.319	58.554.957
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.893.261.294	4.637.744.048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		652.057.966	334.225.010
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	261.235.669
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	261.235.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		652.057.966	595.460.679
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		130.411.593	119.092.136
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>521.646.373</u>	<u>476.368.543</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>13</u>	<u>12</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>13</u>	<u>12</u>

Người lập biểu

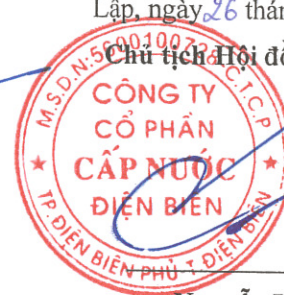
Lê Như Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hùng

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lệ Quế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34.261.276.617	31.253.235.532
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.885.184.724)	(5.760.201.747)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.115.837.496)	(9.768.284.371)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(71.153.319)	(58.554.957)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(59.232.848)	(81.778.049)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.310.000	154.732.747
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.938.551.580)	(6.357.526.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.225.626.650	9.381.622.281
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.629.385.029)	(14.525.525.466)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	122.916.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.629.385.029)	(14.402.609.324)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	2.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(3.429.260.000)	(1.430.490.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(1.429.260.000)</u>	<u>(1.430.490.000)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.166.981.621	(6.451.477.043)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.300.362.176	26.110.958.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>11.467.343.797</u>	<u>19.659.481.305</u>

Người lập biểu

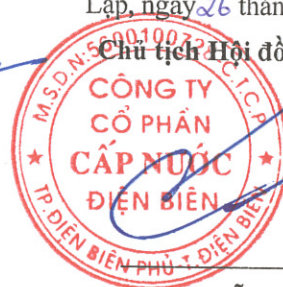
Lê Như Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hùng

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lệ Quế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 341/QĐ - UBND ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty không có các chi nhánh hay đơn vị trực thuộc nào.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 233 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 228 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	5-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.798.885.619	3.350.030.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.668.458.178	5.950.331.283
Cộng	11.467.343.797	9.300.362.176

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền nước sạch	5.789.040.400	5.450.220.931
Phải thu tiền lắp đặt	245.227.009	192.444.247
Doanh nghiệp Tư nhân Xây dựng Long Lâm Điện Biên	217.684.981	1.217.684.981
Cộng	6.251.952.390	6.860.350.159

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Phát triển Kiến trúc Đô thị	-	2.382.130.000
Doanh nghiệp Tư nhân Xây dựng Long Lâm Điện Biên	4.297.000.000	4.297.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện tử Minh Khang	-	3.458.070.000
Các nhà cung cấp khác	637.211.300	655.211.300
Cộng	4.934.211.300	10.792.411.300

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Lạc Việt	66.606.000	(66.606.000)	66.606.000	-
Kho Bạc Nhà Nước	-	-	27.365.000	-
Phòng tài chính - kế hoạch Thành phố Điện Biên Phủ	-	-	30.800.000	-
Các khoản khác	3.503.150	-	22.930.040	-
Cộng	70.109.150	(66.606.000)	147.701.040	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.804.264.475	-	5.166.165.877	-
Công cụ, dụng cụ	62.035.001	-	33.311.013	-
Cộng	4.866.299.476	-	5.199.476.890	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	584.615.363	682.205.199
Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước	1.578.338.948	2.184.372.087
Chi phí phần mềm	79.310.624	198.276.542
Chi phí trả trước khác	73.568.179	16.983.321
Cộng	2.315.833.114	3.081.837.149

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	375.992.466.273	26.210.437.320	171.104.682.071	593.792.872	573.901.378.536
Mua trong kỳ	-	7.774.091.455	1.122.000.000	-	8.896.091.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.272.576	-	793.467.907	-	829.740.483
Tặng do nhận bàn giao từ UBND tỉnh Điện Biên (*)	31.500.000.000	-	-	-	31.500.000.000
Phân loại lại	17.544.771.000	-	(17.544.771.000)	-	-
Số cuối kỳ	425.073.509.849	33.984.528.775	155.475.378.978	593.792.872	615.127.210.474
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.770.537.526	5.623.733.307	5.067.092.737	116.630.000	23.577.993.570
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	98.277.856.049	14.374.820.486	56.898.629.031	292.063.390	169.843.368.956
Khấu hao trong kỳ	6.869.199.867	895.961.156	3.153.173.154	44.547.006	10.962.881.183
Phân loại lại	-	217.918	-	(217.918)	-
Số cuối kỳ	105.147.055.916	15.270.999.560	60.051.802.185	336.392.478	180.806.250.139
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	277.714.610.224	11.835.616.834	114.206.053.040	301.729.482	404.058.009.580
Số cuối kỳ	319.926.453.933	18.713.529.215	95.423.576.793	257.400.394	434.320.960.335
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 77.076.296.219 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Điện Biên.

(*) Tài sản nhận bàn giao theo Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng ngày 08/4/2021 đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý các công trình dân dụng và Công trình tỉnh Điện Biên theo giá trị tạm tính (chi tiết xem thuyết minh V.15a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	48.044.182	8.848.047.273	(8.896.091.455)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	13.669.976.361	6.829.946.054	(829.740.483)	(48.608.298)	19.621.573.634
Công trình Xây dựng mở rộng trạm cấp nước - NMN TP.Điện Biên Phủ công suất 20.000m3/ngđ	1.938.609.922	-	-	-	1.938.609.922
Công trình Đường ống cấp nước thô cho NMN TP.Điện Biên Phủ đoạn từ Hồ Nậm Khẩu Hu đến ngã ba chia nước bản Pa Pôm xã Thanh Minh	11.202.492.291	5.868.744.546	-	-	17.071.236.837
Công trình khác	528.874.148	961.201.508	(829.740.483)	(48.608.298)	611.726.875
Cộng	13.718.020.543	15.677.993.327	(9.725.831.938)	(48.608.298)	19.621.573.634

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ Điện tử Minh Khang	1.458.070.000	-
Công ty TNHH Vạn Ninh	-	165.000.000
Các nhà cung cấp khác	6.759.800	44.420.977
Cộng	1.464.829.800	209.420.977

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là tiền lấp đặt trả trước.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số đã thực nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.948.377	130.411.593	(52.988.848)	110.371.122
Thuế thu nhập cá nhân	8.688.005	122.136.276	(127.321.131)	3.503.150
Thuế tài nguyên	13.093.160	67.303.000	(68.467.360)	11.928.800
Tiền thuê đất	-	23.553.900	(23.553.900)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	415.490.258	2.603.885.336	(2.581.811.608)	437.563.986
Cộng	470.219.800	2.950.290.105	(2.857.142.847)	563.367.058

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, với thuế suất 5% cho hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt và thuế suất 10% cho các hoạt động khác.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	652.057.966	595.460.679
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế	652.057.966	595.460.679
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	652.057.966	595.460.679
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	130.411.593	119.092.136
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	130.411.593	119.092.136

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước bề mặt với mức 1%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	262.120.871
Công ty TNHH An Phong Điện Biên - Tiền bảo hành công trình	169.324.300	169.324.300
Chi phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	75.996.275	79.984.822
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	67.068.612	63.455.496
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.997.135	64.811.751
Cộng	327.386.322	639.697.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vay

13a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	2.849.910.000	2.858.520.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.858.520.000	-	1.428.030.000	(1.429.260.000)	(7.380.000)	2.849.910.000
Cộng	2.858.520.000	2.000.000.000	1.428.030.000	(3.429.260.000)	(7.380.000)	2.849.910.000

13b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân Hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Điện Biên theo hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 01/2015/HDODA - NHPTVN tháng 1 năm 2015 (Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2019/HĐKT - NHPT và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 02/2019/HDODA-NHPTVN) mục đích để đầu tư các hạng mục của dự án : Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Điện Biên Phủ. Trị giá cho vay lại tối đa tương đương 1.230.000 USD. Trong đó tỷ lệ cho vay lại 30% được áp dụng với số tiền 3.716.645,53 USD và tỷ lệ cho vay lại 100% được áp dụng với số tiền còn lại để thanh toán hợp đồng thương mại. Thời hạn cho vay : 12 năm tính từ ngày ký Thỏa thuận riêng của dự án được ký kết (15/01/2014), thời hạn ân hạn: 02 năm kể từ ngày 15/01/2014, thời hạn trả nợ gốc: 10 năm kể từ ngày hết thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn là 0,43%/năm tính trên dư nợ, phí cho vay lại : 0,2%/năm tính trên dự nợ và lãi suất chậm trả : 5%/năm trên số nợ quá hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi và phí: 6 tháng một lần vào ngày 15/01 và 15/7 hàng năm, kỳ trả đầu tiên là 15/7/2016. Khoản vay được bảo đảm gồm hệ thống cấp nước Thành phố Điện Biên Phủ : 01 bể lắng Lamén, 05 bể lọc; các thiết bị thí nghiệm và kiểm tra chất lượng nước, các thiết bị đo đếm; Hệ thống tuyến ống cấp I : 27.332m, hệ thống tuyến ống cấp II, III : 30.581 m.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.849.910.000	2.858.520.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.989.657.740	12.452.119.123
Cộng	13.839.567.740	15.310.639.123

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.452.119.123	15.336.991.342
Tăng do đánh giá lại	-	316.226.625
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.428.030.000)	(1.709.121.770)
Giảm do đánh giá lại	(34.431.383)	-
Số cuối kỳ	10.989.657.740	13.944.096.197

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng theo biên bản kiểm tra Sở tài chính	Chi quỹ trong kỳ	Giảm theo biên bản kiểm tra Sở tài chính	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	672.841.375	-	-	(265.370.801)	407.470.574
Quỹ phúc lợi	164.093.395	-	(21.000.000)	-	143.093.395
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	258.635.265	2.364.735	(261.000.000)	-	-
Cộng	1.095.570.035	2.364.735	(282.000.000)	(265.370.801)	550.563.969

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu ^(iv)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
6 tháng đầu năm 2020					
Số đầu năm trước	390.441.754.034	-	1.439.306.460	12.331.611.000	404.212.671.494
Tăng vốn trong kỳ	6.402.784.000	-	-	1.692.297.355	8.095.081.355
Tăng khác ⁽ⁱ⁾	-	-	-	151.875.000	151.875.000
Giảm khác ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	(6.463.884.000)	(6.463.884.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	476.368.543	-	476.368.543
Số dư cuối kỳ trước	396.844.538.034	-	1.915.675.003	7.711.899.355	406.472.112.392
6 tháng đầu năm 2021					
Số dư đầu năm nay	396.844.538.034	38.899.226.126	-	-	435.743.764.160
Nhận bàn giao tài sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	-	31.500.000.000	-	-	31.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	521.646.373	-	521.646.373
Điều chỉnh theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ⁽ⁱⁱⁱ⁾	(8.034)	3.874	-	-	(4.160)
Số dư cuối kỳ này	396.844.530.000	70.399.230.000	521.646.373	-	467.765.406.373

(i) Ghi tăng giá trị công trình Nước sinh hoạt tập trung khu vực Pomlot, huyện Điện Biên theo phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại quyết định số 02/QĐ-STC ngày 07/1/2020 của Sở Tài chính và Biên bản thanh tra của Sở xây dựng ngày 31/3/2020.

(ii) Chuyển từ nguồn vốn đầu tư XDCB sang tăng vốn điều lệ số tiền 6.402.784.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 05/6/2020. Vốn điều lệ tăng tương ứng với giá trị hoàn thành Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Tuần Giáo theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 và Công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực Pomlot huyện Điện Biên theo Quyết định số 02/QĐ-STC ngày 07/01/2020.

Và điều chỉnh giảm giá trị công trình Nước sinh hoạt tập trung khu vực Pomlot, huyện Điện Biên theo phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại quyết định số 02/QĐ-STC ngày 07/1/2020 của Sở Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(iii) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 138/NQ-ĐHCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành riêng cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, thông tin như sau:

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 3.889.923 cổ phần.

+ giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá: 38.899.230.000 VND

+ Vốn điều lệ sau phát hành: 435.743.760.000 VND

+ Đối tượng phát hành: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

+ Hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm

(phần chênh lệch do tăng vốn điều lệ sẽ trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên bằng tiền mặt: 4.160 VND)

Đại hội cổ đông ủy quyền cho ông Nguyễn Lệ Quế - đại diện Công ty thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn theo quy định.

(iv) Vốn khác của chủ sở hữu bao gồm:

+ Số dư đầu năm từ nhận tài sản do Nhà nước giao tiếp nhận bao gồm:

Dự án cấp nước sạch, trung tâm huyện Mường Nhé (giai đoạn II) được phê duyệt quyết toán theo quyết định số 408/QĐ – UBND ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé, giá trị 17.544.711.000 VND;

Dự án xây dựng khu dân cư mới Pom La, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được phê duyệt quyết toán theo quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, giá trị 3.684.336.794 VND;

Dự án Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Noong Hẹt và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được phê duyệt quyết toán theo quyết định số 203/QĐ- STC ngày 24/12/2020 của Sở Tài chính Điện Biên, giá trị 9.838.363.000 VND.

Công trình: Cải tạo các tuyến ống mạng CII + III tại TP. Điện Biên Phủ được quyết toán dự án hoàn thành số 2724/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, giá 7.831.755.332 VND.

+ Tăng vốn trong kỳ từ nhận bàn giao hạng mục công trình hệ thống cấp nước trung tâm huyện Nậm Pồ theo văn bản số 918/UBND-TH ngày 02/4/2021 và biên bản bàn giao đưa vào sử dụng ngày 08/4/2021 đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý các công trình dân dụng và Công trình tỉnh Điện Biên. Giá trị ghi nhận theo giá trị đề nghị quyết toán ghi trong Biên bản xác định giá tiêu thu nước sạch tạm thời huyện Nậm Pồ của Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên thống nhất với Sở Tài chính và Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn cổ phần Nhà nước	394.543.530.000	394.543.538.034
Người lao động	1.761.000.000	1.761.000.000
Cổ đông khác	540.000.000	540.000.000
Cộng	<u>396.844.530.000</u>	<u>396.844.538.034</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.018.852	39.684.453
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	45.018.852	39.684.453
- Cổ phiếu phổ thông	45.018.852	39.684.453
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.018.852	39.684.453
- Cổ phiếu phổ thông	45.018.852	39.684.453
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh nước thương phẩm	28.298.933.324	26.739.658.415
Doanh thu lắp đặt	885.054.254	624.284.721
Doanh thu bán vật tư	73.333.000	6.126.620
Doanh thu phí bảo vệ môi trường được giữ lại	257.251.304	-
Cộng	<u>29.514.571.882</u>	<u>27.370.069.756</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn nước	23.072.131.149	21.839.078.181
Giá vốn lắp đặt	801.078.084	572.170.647
Giá vốn bán vật tư nước	68.298.500	5.623.200
Cộng	<u>23.941.507.733</u>	<u>22.416.872.028</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.597.047	122.916.142
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.946.109	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	29.865.274	300.156.770
Cộng	<u>43.408.430</u>	<u>423.072.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	71.153.319	58.554.957
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	345.746.625
Cộng	71.153.319	404.301.582

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.133.138.685	3.111.969.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.783.952	43.992.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.233.314	300.730.944
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	66.606.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	704.957.135	520.980.684
Các chi phí khác	661.542.208	657.070.623
Cộng	4.893.261.294	4.637.744.048

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao thu phí Bảo vệ môi trường	-	261.031.292
Thu nhập khác	-	204.377
Cộng	-	261.235.669

7. Lãi trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	521.646.373	476.368.543
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	521.646.373	476.368.543
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	39.684.453	39.135.644
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	13	12

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.855.396.076	1.652.815.090
Chi phí nhân công	11.632.771.410	11.208.664.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.962.881.183	9.669.475.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.090.517.798	2.790.969.412
Chi phí khác	1.291.208.509	1.066.997.091
Cộng	28.832.774.976	26.388.922.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Phường Him Lam, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Lê Quế	Chủ tịch	218.160.000	218.272.300
Ông Phạm Quang Tuấn	Thành viên / Giám đốc điều hành	166.361.800	166.530.300
Ông Đinh Quốc Lộc	Thành viên / Phó Giám đốc	146.440.800	146.384.600
Ông Phạm Trọng Nguyễn	Thành viên / Phó Giám đốc	143.590.300	143.871.000
Bà Hoàng Cúc Phương	Thành viên	146.356.600	146.497.000
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Kế toán trưởng	134.496.900	134.440.800
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Đình Nghĩa	Trưởng Ban	147.677.600	147.368.700
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	46.325.000	41.537.200
Bà Nguyễn Thị Kim Mến	Thành viên	33.997.200	33.359.200
Cộng		1.183.406.200	1.178.261.100

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cấp nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Lê Như Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lê Quế